

Bản tin chứng khoán

Trong số này

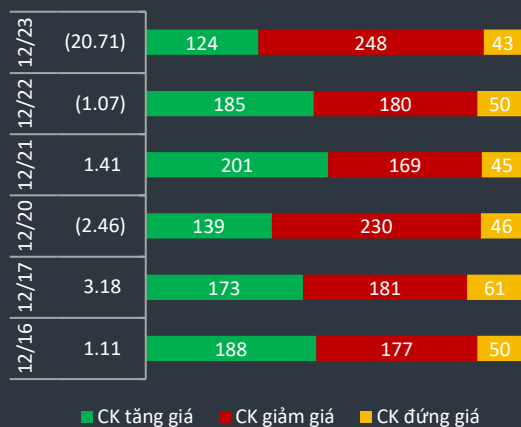
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường giao dịch loanh quanh với vài cú kéo giá đơn lẻ từ vài cổ phiếu bất động sản nhưng không thể che dấu được tín hiệu đuối dần của dòng tiền khi các dòng cổ phiếu chủ chốt như ngân hàng, chứng khoán, thép bị áp lực đè nặng. Khi mức độ đè nén đủ nặng thì thị trường không thể trụ nổi để chỉ số Vnindex rơi mất hơn 10 điểm. Phiên chiều cơn bão xả hàng bắt đầu đổ lên nhóm cổ phiếu bất động sản – điều mà thị trường đã dự cảm từ trước khi nhiều cổ phiếu ngành này đã vượt giá quá xa. Có lẽ cơn sốt giá đất mà bắt nguồn từ đợt đầu giá đất Thủ Thiêm đã dần nguội bót trong khi nhiều doanh nghiệp bất động sản đã được định giá quá mức kỳ vọng. Ngoài ra một điều lưu ý là nhiều cổ phiếu bất động sản được cấp đòn bẩy margin khá cao vì vậy khi đảo chiều thì độ rơi của các cổ phiếu này cũng sẽ nặng nề hơn các nhóm khác.

Những cổ phiếu được margin cao dễ dàng bị bán đổ bán mạnh nhất và không ngạc nhiên khi hàng loạt hàng nóng như CII, DXG, DIG, IDC, CEO bị đổ sàn cuối phiên. Nhiều cổ phiếu đã tăng nóng như SCR, FLC, NTL, NBB, NLG cũng có mức rơi gần -5% trong ngày. Đặc biệt hai cổ phiếu lớn nhất VIC và VHM cũng đổ gần -4% càng làm thị trường chao đảo mạnh hơn.

Tuy nhiên giảm mạnh nhất lại là nhóm chứng khoán vì khi thị trường đảo chiều thì nhóm chứng khoán bị đổ bán mạnh nhất. Chỉ duy nhất TVS còn giữ xanh còn lại tất cả cổ phiếu chứng khoán bị ngập trong cơn bán tháo. Cổ phiếu lớn như HCM, SSI, VCI, VND cũng rơi trên 3%.

Cổ phiếu ngân hàng cũng giảm khá sâu và chỉ có BID, CTG còn giữ mức xanh nhẹ. Hàng loạt cổ phiếu bank đã rơi hơn 3% trong ngày như VBB, HDB, OCB, TPB, SHB, TCB, VIB ... dù mức giảm không quá sâu nhưng nhóm ngân hàng cứ rơi nhẹ mỗi phiên cũng đã gần 10% kể từ đầu tháng 12. Cổ phiếu thép cũng trong đà bán tháo rất mạnh hôm nay và nhiều cổ phiếu lớn như HPG đã rơi xuống dưới vùng hỗ trợ mạnh quanh 45. Các mã như HSG, NKG đều đã rơi gần 30% từ vùng giá đỉnh đầu tháng 11.

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

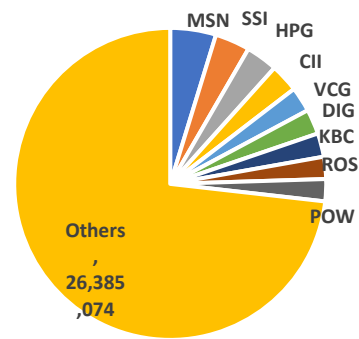
DGC		33.47
HDG		32.22
CRE		29.80
VRE		26.46
VNM		17.88
SSI		13.36
E1VFN30		12.39
KDH	(32.10)	
BID	(34.70)	
DXG	(44.32)	
GAS	(56.52)	
KBC	(95.42)	
MSN	(156.68)	

Vnindex 1,456.96

▼ -20.71 (-1.4%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
CTG	32.2	550	1.74
REE	70.0	1,000	1.45
VJC	123.9	1,200	0.98
BID	34.5	250	0.73
PDR	94.8	600	0.64
MSN	171.0	1,000	0.59
GVR	39.0	-	-
PLX	52.8	-	-
HVN	23.1	-	-
GAS	95.2	-	-
HPG	45.0	(150)	(0.33)
SAB	146.9	(700)	(0.47)
VCB	76.5	(400)	(0.52)
ACB	32.5	(200)	(0.61)
VNM	84.7	(700)	(0.82)
PNJ	93.7	(800)	(0.85)
MWG	133.6	(1,200)	(0.89)
STB	27.4	(250)	(0.90)
MBB	27.3	(350)	(1.27)
BCM	67.4	(900)	(1.32)
VRE	31.0	(500)	(1.59)
FPT	93.2	(1,800)	(1.89)
POW	18.5	(500)	(2.63)
BVH	54.9	(1,600)	(2.83)
VIB	42.2	(1,300)	(2.99)
NVL	113.0	(3,700)	(3.17)
TCB	47.4	(1,550)	(3.17)
TPB	36.7	(1,300)	(3.42)
VPB	32.4	(1,200)	(3.57)
DHG	123.3	(4,600)	(3.60)
VIC	96.0	(3,600)	(3.61)
VHM	82.5	(3,200)	(3.73)
HDB	26.9	(1,050)	(3.76)
SSI	49.0	(2,100)	(4.11)



Cú rơi hơn 20 điểm hôm nay của thị trường cùng thanh khoản hơn 45 ngàn tỷ tại sàn HOSE được xem vẫn là khá nhẹ nhàng và một tín hiệu tốt khác là vẫn còn có những cổ phiếu vẫn ngược dòng tăng mạnh như AAA, VPH, HBC, LDG, PVT, PVS, ASM, DPM. Nhóm bất động sản vẫn còn nhiều cổ phiếu vẫn trụ tốt và lực mạnh như ITA, KBC, LDG, HBC, HAG, LCG. Cổ phiếu phân đạm rung lắc mạnh hôm nay nhưng cuối phiên vẫn giữ giá, thậm chí còn xanh nhẹ như DPM, DCM.

Vài phiên rũ như hôm nay về mặt dòng tiền là khá tốt để thị trường tạo vùng đỡ bên dưới và tái tạo lại sức mua mới. Những dòng cổ phiếu cơ bản như ngân hàng, thép, dệt may, điện, chứng khoán đang trong quá trình tạo nền giá mới và sẽ là động lực hút tiền mới trong thời gian tới. Không phủ nhận sức nóng của nhóm ngành bất động sản nhưng mức độ phân hóa sẽ gia tăng và chỉ có những cổ phiếu mạnh sẽ giữ được giá.

Thị trường sẽ còn tiếp tục rung lắc trong vài phiên với nền hỗ trợ quanh 1420-1430. Nhà đầu tư có thể gia tăng giải ngân trở lại khi thị trường rơi về gần vùng này trong các phiên tới.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	47.4	(5.0)	50	75	Nắm giữ	11/24/2021	-13.8%
DPM	55.5	11.4	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	18.1%
DCM	38.8	3.5	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	7.8%
HSG	35.1	(5.5)	35	50	Mua thêm quanh 35-36.	11/23/2021	-2.5%
PET	35.0	7.5	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	25.0%
LCG	23.9	0.8	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	70.7%
DPR	72.2	(6.4)	57	95	Mua vào quanh 76-78, nắm giữ	9/21/2021	7.8%
GVR	39.0	3.0	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	32.7%
HCM	43.4	(0.2)	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	27.6%
VCI	70.5	(3.0)	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	43.9%
SSI	49.0	(3.7)	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	48.5%
MBB	27.3	(3.4)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-5.9%
OCB	24.7	(8.5)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24-25	7/12/2021	7.4%
HPG	45.0	(5.4)	44	65	Nắm giữ, mua thêm quanh 45-47	7/12/2021	0.0%
DGW	118.1	(3.7)	120	150	Nắm giữ. Mục tiêu 150	3/3/2021	136.2%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

FCN	6.88
TCR	6.89
TVS	6.90
HVH	6.91
SGR	6.91
DRH	6.93
PVD	6.93
DLG	6.95
DAH	6.96
EIB	6.96
ST8	6.96
VPH	6.98
TTF	6.98
LCM	6.99

Top tăng giá HNX

LIG	3.48
VE9	4.00
BII	4.29
KSQ	4.35
SEB	4.65
SVN	6.67
VCG	6.96
UNI	7.83
PVG	8.57
PVC	8.84
LUT	8.86
TTZ	8.97
SD6	9.30
SD4	9.30
DST	9.35
VC1	9.42
SMT	9.62
MHL	9.86
TPH	9.92
SD9	9.93
SDA	10.00

MWG - CTCP Đầu tư Thế giới di động – Đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2022 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 với chỉ tiêu doanh thu thuần 140.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 6.350 tỷ đồng.

OIL - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Năm 2021 doanh thu hợp nhất ước đạt 55.000 tỷ đồng, hoàn thành 98,7% kế hoạch năm và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu công ty mẹ ước đạt 32.522 tỷ đồng, hoàn thành 120,5% kế hoạch năm và tăng 55,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 884 tỷ đồng, vượt 121% kế hoạch năm. Trong đó, lợi nhuận công ty mẹ ước đạt 754 tỷ đồng, vượt 151% kế hoạch năm; công ty con ước đạt 160 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch năm.

TVB - CTCP Chứng khoán Trí Việt - Đã thông qua triển khai chào bán cổ phiếu với tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được quyền mua 1 cổ phiếu mới). Tổng khối lượng phát hành đợt này là hơn 112 triệu cổ phiếu. Giá chào bán dự kiến là 20.000 đồng/cp.

CRE - CTCP Bất động sản Thế Kỷ - Dự kiến phát hành gần 60,5 triệu cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 30%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 30 cổ phiếu mới. Thời gian dự kiến trong năm 2022.

Bên cạnh đó, công ty dự kiến chào bán gần 201,6 cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cp. Tỷ lệ thực hiện 1:1, cổ đông sở hữu 1 cổ phần được quyền mua 1 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu này được tự do chuyển nhượng.

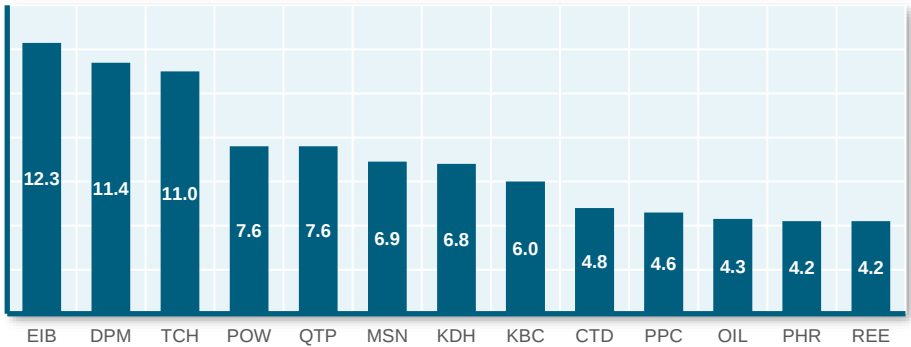
PLP - CTCP công nghệ Nhựa Pha Lê - Tính đến hết tháng 11, Công ty đạt doanh thu hợp nhất 2.490 tỷ đồng, tăng 39,4% so với cả năm 2020. Lợi nhuận gộp 11 tháng của PLP đạt 203,7 tỷ đồng, tăng 29,4% so với cả năm 2020. Trong đó, PLP đóng góp 145 tỷ đồng, Hoàng Gia Pha Lê đóng góp 58,3 tỷ đồng.

HAX - CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Dự kiến phát hành 180 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi, giá phát hành bằng mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 18 tháng, tỷ lệ chuyển đổi 12 -100 (12 trái phiếu đổi 100 cổ phiếu), giá chuyển đổi 12.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong quý I/2022.

PDR - CTCP Phát triển bất động sản Phát Đạt – Đã thông qua phương án phát hành trái phiếu lần 10 năm 2021 với tổng giá trị 500 tỷ đồng, giá phát hành bằng mệnh giá là 100 triệu đồng/trái phiếu, kỳ hạn 02 năm, lãi suất 12%/năm. Thời gian thực hiện trong tháng 12/2021.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



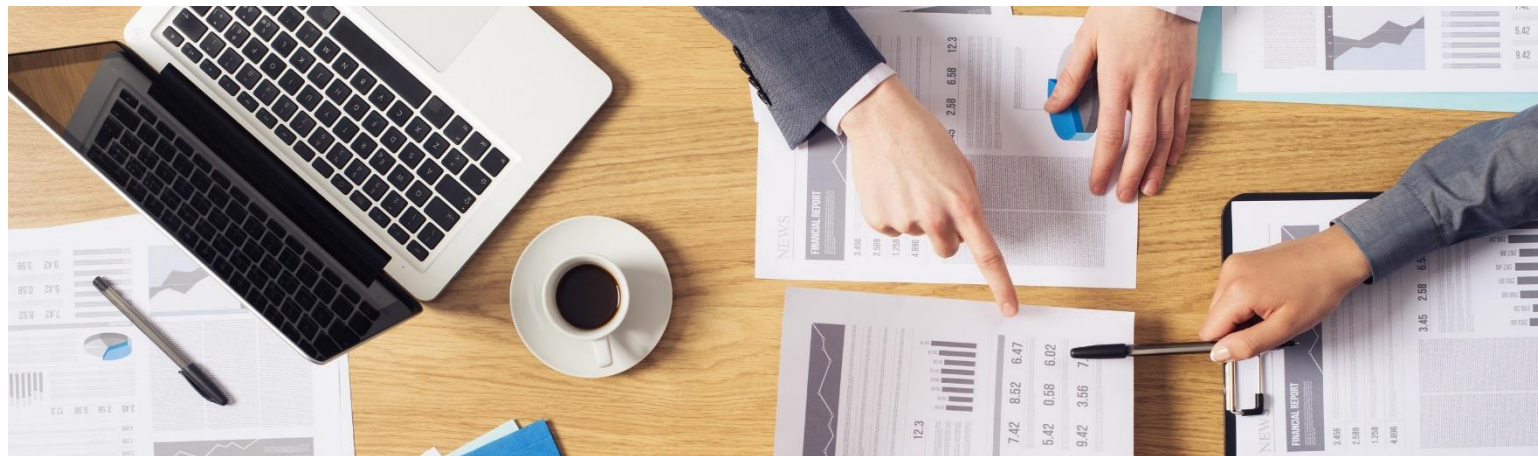
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	32.4	18,152,200	6.4	1.3	-	-	144,033	17.12	5,056	24,447
VIB	HOSE	42.2	3,019,300	7.5	3.1	5,300	4,400	65,543	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	76.5	1,489,000	13.8	2.7	274,900	587,700	283,729	23.58	5,532	28,293
VBB	HNX	16.8	105,578	20.2	1.5	-	-	8,025	-	830	11,579
VAB	HOSE	17.6	736,102	14.7	1.3	-	-	7,831	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	36.7	4,598,100	8.0	1.9	400,400	70,300	43,000	29.45	4,565	18,925
TCB	HOSE	47.4	13,503,100	10.3	2.0	-	-	166,242	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	27.4	14,265,800	14.3	1.6	276,700	241,000	51,655	17.39	1,922	16,846
SSB	HOSE	38.7	4,132,900	22.5	3.1	-	-	57,144	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	20.1	12,232,100	9.2	1.4	41,400	3,600	42,777	3.24	2,183	14,014
SGB	HNX	17.5	255,850		1.4	-	-	5,390	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	30.9	485,362	41.8	2.3	-	-	9,270	15.00	739	13,529
OCB	HNX	24.7	6,443,100	6.5	1.4	21,600	1,000	33,836	21.98	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.6	225,319	139.5	2.7	-	-	11,635	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	18.6	315,376	5.5	1.1	4,300	-	9,550	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	26.4	9,154,000	8.0	1.5	-	-	40,250	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	27.3	10,142,300	7.0	1.4	-	200	103,148	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	20.7	6,648,200	8.0	1.4	23,400	1,000	24,854	3.98	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.6	119,207	11.6	1.7	-	-	8,531	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	26.9	7,168,600	7.0	1.5	597,900	146,500	53,491	17.02	3,854	17,399
EIB	HOSE	29.2	4,004,200	33.4	2.1	3,400	8,400	35,899	29.63	874	14,061
CTG	HOSE	32.2	8,936,500	7.3	1.3	1,610,100	1,402,600	154,745	25.47	4,394	25,028
BVB	HOSE	21.4	4,709,420	18.5	1.7	4,200	900	7,856	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	34.5	2,318,800	13.7	1.6	134,200	1,146,900	138,760	16.71	2,512	21,036
BAB	HOSE	21.9	39,350	23.1	1.8	-	-	16,494	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.5	4,135,300	7.0	2.2	-	-	87,813	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.5	3,309,859	7.3	1.2	-	-	11,712	30.00	2,801	16,671
			140,644,923	18.16	1.79	3,397,800	3,614,500	1,623,213		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DHP	HNX	5/1/2022	6/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	EAD	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PAI	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	25/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	HMH	HNX	29/12/2021	30/12/2021	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NTH	HNX	29/12/2021	30/12/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	MH3	UPCoM	28/12/2021	29/12/2021	20/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	ECI	HNX	27/12/2021	28/12/2021	28/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	KPF	HOSE	24/12/2021	27/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	NVL	HOSE	24/12/2021	27/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:31	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	CMD	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	ACL	HOSE	23/12/2021	24/12/2021	5/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	BID	HOSE	23/12/2021	24/12/2021	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BID	HOSE	23/12/2021	24/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25.77119312	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	TLD	HOSE	23/12/2021	24/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	VCB	HOSE	22/12/2021	23/12/2021	5/1/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VCB	HOSE	22/12/2021	23/12/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:276	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	VHC	HOSE	21/12/2021	22/12/2021	31/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SDN	HNX	21/12/2021	22/12/2021	7/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HDG	HOSE	21/12/2021	22/12/2021		Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	S4A	HOSE	21/12/2021	22/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VLC	UPCoM	20/12/2021	21/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	TPB	HOSE	20/12/2021	21/12/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
24	OPC	HOSE	20/12/2021	21/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VPG	HOSE	20/12/2021	21/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 18,000 đồng/CP	Phát hành thêm
26	PAS	UPCoM	17/12/2021	20/12/2021	31/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DTP	UPCoM	17/12/2021	20/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:33.3333, giá 11,000 đồng/CP	Phát hành thêm
28	VCI	HOSE	17/12/2021	20/12/2021	29/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931